

PHƯƠNG HƯỚNG VÀ NỘI DUNG NGHIÊN CỨU KHOA HỌC GIÁO DỤC, ĐẠI HỌC, VÀ CHUYÊN NGHIỆP Ở NƯỚC TA HIỆN NAY

LÊ THẠCH CÁN

Thực hiện chỉ thị của chủ tịch Hội đồng bộ trưởng về việc sắp xếp và kiện toàn mạng lưới các cơ quan nghiên cứu khoa học và triển khai kỹ thuật ở nước ta, ngành đại học, và dạy nghề đang cùng Ủy ban khoa học và kỹ thuật Nhà nước và các cơ quan liên quan xem xét phương hướng, nội dung, phương thức và tổ chức nghiên cứu về khoa học giáo dục đại học và chuyên nghiệp: ngành khoa học chính về nghiệp vụ công tác của ngành. Những ý kiến trình bày trong bài nhằm góp thêm tư liệu cho việc xem xét đó và giới thiệu với bạn đọc về một ngành khoa học mới được hình thành ở nước ta.

CHO đến nay ở nước ta khoa học giáo dục đại học và chuyên nghiệp (GDDH - CN) đã từng bước xác lập những phạm trù của mình về số lượng, chất lượng đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu; những khái niệm đặc hữu về quá trình đào tạo, bồi dưỡng, hình thành nhân cách, quá trình nghiên cứu khoa học và triển khai của nhà trường. Nhiều quy luật đã và đang dần dần được phát hiện như quy luật liên hệ giữa số lượng và chất lượng đào tạo, quy luật tâm lý xã hội về quá trình hình thành phẩm chất và năng lực của sinh viên, về hoạt động của thầy giáo, về tương tác giữa kinh tế, văn hóa, khoa học và kỹ thuật với GDDH - CN. GDDH - CN cũng đã từng bước chọn được các phương pháp nghiên cứu thích hợp của mình, gồm những phương pháp chung cho nhiều ngành khoa học có tính chất liên ngành và những phương pháp riêng của mình.

Có thể thấy rằng đây là một ngành khoa học mới hình thành, tuy còn non trẻ nhưng đã có những điều kiện cơ bản để trở thành một ngành khoa học hoàn chỉnh, tạo nên cơ sở lý luận cho sự phát triển mạnh mẽ của GDDH - CN trong những thập kỷ tới.

Trong thực tế, các viện, trung tâm khoa học và bộ môn nghiên cứu khoa học về GDDH - CN

đã xuất hiện ở hầu hết các nước trên thế giới. Mỗi nước XHCN đều đã có viện nghiên cứu quốc gia về GDDH - CN hoặc cơ sở có chức năng tương tự. Gần 20 năm nay các nước này đã phối hợp nghiên cứu về GDDH - CN trong các kế hoạch chỉ đạo bởi hội nghị bộ trưởng GDDH - CN của các nước. Ở các nước phương tây nhiều trường đại học đều có bộ môn nghiên cứu về giáo dục đại học. Ở nhiều nước đang phát triển với sự mở rộng nhanh chóng GDDH - CN trong vài năm qua, công tác nghiên cứu khoa học về ngành khoa học này cũng đang được hết sức chú ý.

SỰ HÌNH THÀNH CÁC BỘ MÔN KHOA HỌC GDDH - CN

Cũng như nhiều ngành khoa học khác, GDDH - CN đã được hình thành theo hai con đường: con đường phân hóa từ giáo dục học chung, đi sâu vào đối tượng của hệ thống GDDH - CN và từ đó xây dựng nên nội dung nghiên cứu mới của mình; con đường tích hợp hoặc liên kết, mở rộng việc vận dụng khái niệm và phương pháp của một số ngành khoa học đã có vào đối tượng của hệ thống GDDH - CN, từ đó xây dựng thành những bộ phận khoa học mới mang

tính liên ngành. Sự hình thành đó đã quyết định cơ cấu hiện nay của khoa học GDDH - CN với tính cách là một ngành khoa học đã có tính độc lập tương đối.

Theo con đường phân hóa, đã hình thành các bộ môn khoa học gắn liền với quá trình phát triển GDDH - CN ở phạm vi toàn xã hội và những bộ môn trực tiếp liên quan đến hoạt động giảng dạy, học tập, giáo dục chính trị, tư tưởng, hình thành năng lực chuyên môn và phẩm chất con người của đối tượng đào tạo ở phạm vi nhà trường. Đó là các bộ môn:

- Lý luận chung của GDDH - CN, nghiên cứu chiến lược, đường lối, chính sách phát triển GDDH - CN, các mối quan hệ của ngành với các hoạt động kinh tế, văn hóa, khoa học và kỹ thuật của xã hội; lịch sử GDDH - CN; giáo dục học so sánh. Việc nghiên cứu GDDH - CN nhằm tạo ra cơ sở khoa học cho sự chỉ đạo phát triển của ngành, phục vụ sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của các quốc gia. Lý luận về chiến lược trong những năm gần đây đã trở thành một ngành khoa học. Chiến lược phát triển giáo dục nói chung, và GDDH - CN nói riêng có thể coi là một bộ phận của lý luận đó.

- Lý luận về giáo dục chính trị, tư tưởng (hiểu theo nghĩa hẹp hoặc còn gọi là các khía cạnh giáo dục XHCN, cộng sản chủ nghĩa) nghiên cứu nguyên tắc, nội dung, phương pháp giáo dục thế giới quan, ý thức hệ, đạo đức, thẩm mỹ, thể chất, quân sự và giáo dục giao tiếp xã hội nhằm tạo ra cơ sở khoa học cho việc tối ưu hóa quá trình giáo dục chính trị, tư tưởng nâng cao phẩm chất con người mới XHCN cho học viên. Ở một số nước, bộ môn này còn có tên gọi là lý luận giáo dục (hiểu giáo dục theo nghĩa hẹp), và nghiên cứu cả kế hoạch, chương trình, nội dung, phương pháp dạy học các môn khoa học cung cấp cơ sở kiến thức cho các yêu cầu giáo dục nói trên.

- Lý luận về tổ chức quá trình đào tạo nghiên cứu về mục tiêu đào tạo, bồi dưỡng; diện đào tạo, cơ cấu ngành nghề; kế hoạch, chương trình, nội dung, phương pháp dạy học, kiểm tra và đánh giá kết quả đào tạo, bồi dưỡng nhằm tạo ra cơ sở khoa học cho việc tối ưu hóa quá trình đào tạo, bồi dưỡng và hình thành năng lực chuyên môn cho người học. Ở một số nước bộ môn này theo thói quen được gọi theo nội dung hẹp là lý luận dạy học hoặc lý luận về tổ chức khoa học quá trình đào tạo.

- Khoa học quản lý GDDH - CN nghiên cứu các vấn đề về tổ chức và quản lý hệ thống DH - CN trong đó việc khoa học hóa, tự động hóa công tác quản lý trong từng trường cũng như trong điều hành hệ thống đại học của từng quốc gia có ý nghĩa đặc biệt quan trọng. Bộ

môn này có thể xem là kết quả phân hóa từ bộ môn khoa học quản lý giáo dục nói chung.

Theo con đường phân hóa còn có thể kể thêm các bộ môn:

- Lịch sử GDDH - CN được xem như là bộ phận của khoa học lịch sử;

- Giáo dục học so sánh là bộ phận của khoa học về từng nước, từng khu vực địa lý trên thế giới. Tuy nhiên có thể thấy rằng từ rất lâu trong giáo dục học đã tồn tại các bộ môn lịch sử giáo dục, giáo dục học so sánh, vì vậy các bộ môn đó của GDDH - CN có thể xem như là phân hóa từ các bộ môn chung trong phạm vi khoa học giáo dục.

Theo con đường tích hợp đã hình thành các bộ môn có tính liên ngành giữa giáo dục học và một ngành khoa học khác, đồng thời xem là bộ phận của khoa học GDDH - CN. Cho đến nay theo con đường này đã hình thành và phát triển các bộ môn sau đây:

- Tâm lý - giáo dục học DH - CN nghiên cứu về các hiện tượng, các quy luật tâm lý học trong quá trình giảng dạy, giáo dục, hình thành nhân cách của đối tượng đào tạo. Bộ môn này còn được gọi là tâm lý học sư phạm.

- Xã hội - giáo dục học DH - CN nghiên cứu các hiện tượng và quy luật xã hội học trong cộng đồng sinh viên, thầy giáo, cán bộ công nhân nhà trường và các mối quan hệ của họ với xã hội.

- Kinh tế - giáo dục học DH - CN nghiên cứu các vấn đề kinh tế liên quan đến việc hình thành, duy trì, quy hoạch và kế hoạch hóa hoạt động của nhà trường DH - CN, kết quả và hiệu quả kinh tế của các hoạt động đó. Với xu thế phát triển mạnh mẽ của giáo dục đại học và vị trí xã hội quan trọng của hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học của các trường đại học, ý nghĩa quan trọng của kinh tế - giáo dục học đại học ngày càng tăng lên.

Con đường tích hợp cũng đã dẫn tới sự hình thành một loại bộ môn khoa học được gọi là các phương pháp giảng dạy bộ môn do sự kết hợp nội dung và phương pháp của từng bộ môn khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, khoa học kỹ thuật, văn hóa, nghệ thuật với nội dung và phương pháp dạy học. Các phương pháp giảng dạy bộ môn của một số môn cũng đã được thừa nhận là các ngành khoa học, bởi vì đều đã có đối tượng, phương pháp nghiên cứu, hệ thống lý luận riêng, tập hợp được các nhà khoa học và tiến hành công việc đào tạo thế hệ nối tiếp trong lĩnh vực của mình.

Quá trình phân hóa và tích hợp vẫn tiếp diễn làm cho khoa học giáo dục đại học ngày càng phát triển.

NHỮNG YÊU CẦU CỦA THỰC TIỄN ĐỐI VỚI GIÁO DỤC ĐẠI HỌC VÀ CHUYÊN NGHIỆP

Sự phân tích cấu trúc khoa học của giáo dục học ĐH—CN đã trình bày ở trên là đi theo chiều từ khoa học tới thực tiễn. Còn có chiều thứ hai xuất phát từ thực tiễn mà đặt vấn đề cho khoa học, yêu cầu khoa học vận dụng kiến thức và phương pháp đã có để xác định hướng nghiên cứu nhằm tìm ra giải pháp cho thực tiễn, đồng thời làm phong phú thêm kiến thức của ngành khoa học.

Sự nghiệp xây dựng CNXH ở nước ta, mà tư tưởng chiến lược cơ bản là dựa vào sức mạnh của nhân tố con người, phải xem GDDH—CN là hệ thống chủ yếu để xây dựng và phát huy tiềm năng của nhân tố con người.

Cuộc cách mạng khoa học và kỹ thuật trên phạm vi toàn thế giới, trào lưu phát triển kinh tế—xã hội mạnh mẽ của tất cả các nước, chính sách « mở cửa » và kinh tế đối với thế giới, sự cạnh tranh quốc tế đang đòi hỏi ta phải có một nền GDDH—CN thực sự có chất lượng cao, và năng lực mạnh mẽ. Các chủ trương của Đảng và Nhà nước về phát triển GDDH—CN từ nay đến cuối thế kỷ đã đặt ra trước ngành khoa học này những hướng nghiên cứu quan trọng, cấp bách. Việc phân đầu thực hiện mục tiêu đào tạo đội ngũ cán bộ khoa học và kỹ thuật có phẩm chất, đạo đức cách mạng, trình độ chuyên môn phù hợp với nhiệm vụ đẩy mạnh sự phát triển kinh tế—xã hội của nước ta theo đường lối đổi mới đã được xác định trong Đại hội lần thứ 6 của Đảng.

Việc thực hiện nguyên lý học đi đôi với hành, giáo dục kết hợp với lao động sản xuất, nhà trường gắn liền với xã hội trong điều kiện của nhà trường đại học và giải quyết những yêu cầu về đổi mới cấu trúc nội dung và phương pháp GDDH—CN; xây dựng đội ngũ giảng dạy, tạo các điều kiện đảm bảo việc điều chỉnh cải cách giáo dục và chuẩn bị cho một cuộc cải cách mới; cũng như việc thực hiện các mục tiêu phát triển sự nghiệp giáo dục, kiện toàn hệ thống ĐH—CN; xây dựng mục tiêu, nội dung, phương pháp giáo dục, đào tạo, phát huy vai trò trung tâm văn hóa, khoa học, kỹ thuật của nhà trường đều chỉ có thể thực hiện được trên cơ sở những công trình nghiên cứu nghiêm túc về khoa học GDDH—CN.

Như trên đã trình bày, đối tượng nghiên cứu của khoa học GDDH—CN ở nước ta là hệ thống ĐH—CN của nước ta. Mục tiêu của nghiên cứu là tối ưu hóa hoạt động của hệ thống đó trong những điều kiện cụ thể của ta. Thực chất của nhiệm vụ nghiên cứu là từ một cơ sở đã có là hệ thống GDDH—CN hiện nay, thiết kế, xây

dựng và vận hành một hệ thống GDDH—CN mới, một phân hệ của tổng hệ kinh tế—xã hội, văn hóa, quốc phòng của nước ta trong những điều kiện mới.

Việc nghiên cứu khoa học về GDDH—CN có thể tiến hành ở ba mức độ phân tích và nghiên cứu:

1. Mức độ toàn xã hội xem xét hệ GDDH—CN như là một phân hệ trong tổng hệ kinh tế—xã hội của quốc gia, với những mối quan hệ tương tác đối với những phân hệ khác của xã hội, từ đó xác định cơ sở khoa học để tối ưu hóa hiệu quả xã hội của hệ.

Hiệu quả công tác cao của hệ này phải được đảm bảo trước hết bằng chiến lược phát triển GDDH—CN. Chiến lược đó phải được xây dựng trên cơ sở:

— Đường lối, chính sách xây dựng CNXH của Đảng.

— Chiến lược phát triển kinh tế xã hội, phát triển khoa học và kỹ thuật; chủ trương cải cách giáo dục của Đảng.

— Sự phân tích hiện trạng GDDH—CN của Việt Nam, những kinh nghiệm lịch sử về xây dựng hệ thống giáo dục này ở nước ta.

— Sự phân tích xu thế phát triển GDDH—CN trên thế giới.

Chiến lược đó thể hiện vào thực tế bằng các kế hoạch dài hạn phát triển ĐH—CN, đó là các kế hoạch 5 năm hoặc 10 năm dựa trên cơ sở các chỉ tiêu kế hoạch Nhà nước và những hợp đồng của cơ sở đào tạo với các ngành, các cấp, tổ chức và cá nhân có nhu cầu học tập, bồi dưỡng mục tiêu và phương tiện thực hiện.

Chiến lược phát triển GDDH—CN mặt khác được hỗ trợ bằng các chính sách kinh tế—xã hội cụ thể đảm bảo việc thực hiện thuận lợi chiến lược đó như các chính sách đầu tư, đào tạo và bồi dưỡng, phát huy tiềm lực khoa học của nhà trường. Chính sách sử dụng hợp lý cơ sở vật chất kỹ thuật của hệ thống ĐH—CN và chính sách hợp tác quốc tế về ĐH—CN.

2. Mức độ ngành ĐH—CN như là một hệ thống với tính tương đối hoàn chỉnh và độc lập của nó, với cấu trúc tổ chức và cơ chế hoạt động ở cấp ngành, từ đó xác định cơ sở khoa học để tối ưu hóa hiệu quả hoạt động của toàn ngành.

Ở mức ngành việc tối ưu hóa này được đảm bảo trước hết bằng các cấu trúc của hệ thống GDDH—CN phù hợp với chiến lược và các chính sách đã được lựa chọn. Các cấu trúc này gồm có: về ngành nghề đào tạo, về cấp bậc đào tạo (dạy nghề, trung học chuyên nghiệp, cao đẳng, đại học dài hạn và ngắn hạn, sau đại học), về loại hình giáo dục (chính quy hay giáo dục thường xuyên, đào tạo và bồi dưỡng, tập trung và tại chức, theo biên chế và theo học

phần hoặc chứng chỉ), mạng lưới các trường quan hệ liên kết giữa các trường và với cơ sở nghiên cứu, sản xuất và cấu trúc quản lý ngành.

Việc tối ưu hóa hoạt động của hệ thống DH - CN còn phải được đảm bảo bằng cơ chế hoạt động phù hợp với chiến lược và các chính sách đã lựa chọn. Các cơ chế chủ yếu là tuyển sinh, tổ chức quá trình đào tạo trong các loại hình giáo dục khác nhau, giáo dục XHCN, nghiên cứu khoa học và tham gia sản xuất, phân phối và theo dõi việc sử dụng tốt nghiệp, quản lý ngành thanh tra, kiểm tra, đánh giá kết quả công tác và cơ chế thưởng phạt trong ngành.

3. Mức độ nhà trường và các đơn vị cơ sở khác trong hệ GDDH - CN xem xét nhà trường như một hệ thống DH - CN có tính tương đối hoàn chỉnh và độc lập; có cấu trúc tổ chức và cơ chế hoạt động nội tại của nó. Từ đó xác định cơ sở khoa học để tối ưu hóa hiệu quả hoạt động đào tạo, nghiên cứu, sản xuất của nhà trường.

Việc tối ưu hóa hoạt động trong phạm vi nhà trường được đảm bảo trước hết bằng cấu trúc tổ chức hợp lý trong nội bộ nhà trường, bao gồm cấu trúc tổ chức giảng dạy, giáo dục (trường, khoa, bộ môn, phòng thí nghiệm, cơ sở dạy thực hành,...) cấu trúc tổ chức nghiên cứu khoa học và tham gia sản xuất và cấu trúc tổ chức quản lý.

Việc tối ưu hóa hoạt động trong phạm vi nhà trường phải được đảm bảo bằng cơ chế thích hợp. Các cơ chế này tương ứng với các cơ chế đã nói ở mức độ ngành DH - CN theo nội dung phù hợp với thẩm quyền quyết định ở mức trường.

Hệ GDDH - CN là một hệ xã hội mà chủ thể của nó là con người: người thầy giáo, người học sinh, người cán bộ, công nhân viên quản lý và công nhân viên phục vụ, vì vậy ở cả ba mức phân tích, và nghiên cứu việc xây dựng cơ sở khoa học để tối ưu hóa hiệu quả làm việc của con người trong hệ thống là những hướng quan trọng nhất. Do đó công tác nghiên cứu về hệ thống GDDH - CN còn cần phải tập trung vào các đối tượng nghiên cứu trọng điểm sau đây: đội ngũ cán bộ giảng dạy, đội ngũ sinh viên và học sinh, đội ngũ cán bộ chỉ đạo và quản lý ngành và đội ngũ cán bộ phục vụ.

CÁC HƯỚNG NGHIÊN CỨU TRONG THỜI GIAN TỚI

Trong thời gian tới các hướng nghiên cứu trọng điểm về khoa học GDDH - CN như sau:

1. Về lý luận phát triển GDDH - CN, đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết cải cách giáo dục đã được ban hành năm 1979, đề xuất các điều chỉnh trước mắt và chuẩn bị về phương hướng và nội dung cho một cuộc cải cách giáo

dục mới, nhằm làm cho công tác giáo dục - đào tạo phù hợp với đường lối đổi mới quản lý kinh tế - xã hội của Đảng và Nhà nước; xây dựng chiến lược phát triển GDDH - CN của nước ta từ nay đến đầu thế kỷ 21.

2. Về lý luận giáo dục chính trị tư tưởng, các hướng chính là quá trình hình thành phẩm chất trong nhân cách con người mới XHCN của sinh viên; phương pháp giảng dạy các bộ môn triết học Mác - Lenin; tổ chức hoạt động chính trị xã hội trong sinh viên, học sinh.

3. Về lý luận tổ chức quá trình đào tạo, các hướng chính là cấu trúc của hệ thống DH - CN hợp lý của nước ta tới năm 2000; tổ chức khoa học quá trình dạy học cho một số ngành học tiêu biểu; việc tuyển chọn sinh viên và học sinh; các phương pháp dạy học chung và một số phương pháp giảng dạy bộ môn tiêu biểu.

4. Về lý luận phát huy tiềm lực khoa học của nhà trường các hướng chính là nguyên tắc và biện pháp phát huy tiềm lực khoa học của nhà trường ở nước ta, nguyên tắc và biện pháp tổ chức hoạt động sản xuất trong nhà trường.

5. Về lý luận tổ chức, quản lý nhà trường, các hướng chính là cơ cấu tổ chức hợp lý của nhà trường; các cơ chế đảm bảo hiệu quả tối ưu cho các hoạt động chủ yếu của nhà trường; xây dựng đội ngũ cán bộ giảng dạy.

6. Về kinh tế giáo dục học, các hướng chính là phương hướng kế hoạch hóa dài hạn sự phát triển GDDH - CN; chính sách đầu tư cho phát triển DH - CN; các định mức, tiêu chuẩn kinh tế trong hệ thống DH - CN.

Phần lớn các nội dung nghiên cứu nói trên đã được quy tụ vào chương trình nghiên cứu cấp Nhà nước về phát triển sự nghiệp giáo dục và đào tạo do Bộ giáo dục, Bộ đại học trung học chuyên nghiệp và dạy nghề chủ trì.

Song song với những đề tài nghiên cứu dài hạn, lực lượng nghiên cứu khoa học GDDH - CN hiện nay còn được tập trung phục vụ việc thực hiện 3 chương trình hành động của ngành: chương trình cải cách đào tạo DH - CN (CT I), chương trình đẩy mạnh nghiên cứu khoa học lao động sản xuất, cải thiện điều kiện vật chất - kỹ thuật của đào tạo (CT II), chương trình xây dựng đội ngũ giáo viên, nhân viên, cán bộ quản lý đào tạo, đổi mới công tác tổ chức quản lý (CT III).

★

Khoa học giáo dục nói chung đã có lịch sử lâu dài. Nền GDDH - CN cũng đã có hàng trăm năm lịch sử. Mặc dầu vậy ngành khoa học này cho tới nay vẫn là một ngành khoa học non trẻ, đang hình thành. Câu hỏi đặt ra ba, bốn

(Xem tiếp trang 28)

binh quân lương thực đầu người dân trong huyện từ 1015 kg/năm (1987) lên 1800 kg/năm (1988). Dự kiến năm 1989 đạt 2500 kg/năm/người.

CÔNG TÁC NGHIÊN CỨU KHOA HỌC KỸ THUẬT THỦY LỢI

Trong những năm qua, công tác thủy lợi ở tỉnh Đồng Tháp đã đạt được những kết quả rất đáng mừng. Ban khoa học và kỹ thuật tỉnh cùng với Hội đồng khoa học kỹ thuật ngành thủy lợi đã coi trọng đúng mức công tác nghiên cứu KHKT thủy lợi. Công tác nghiên cứu KHKT thủy lợi đã và đang trở thành động lực phát triển của ngành.

Trong nhiều năm qua, công tác điều tra cơ bản đã được Hội đồng khoa học của ngành coi là trọng tâm. Bởi lẽ nó đóng vai trò quyết định trong sự thành công của những dự án thiết kế kênh mương trong vùng. Việc đo đạc dòng chảy, phù sa, chua phèn được tiến hành có nề nếp, đảm bảo chất lượng và kết quả tổng hợp ngày càng có độ tin cậy cao hơn. Ngành cũng đã kết hợp tốt với Đài khí tượng thủy văn, Ban khoa học và kỹ thuật tỉnh, và các cơ quan nghiên cứu ở trung ương trong việc thông tin, xử lý các số liệu thủy văn, qui hoạch, dự báo hạn, lũ.

Do việc đo đạc phù sa, chua phèn được tiến hành có nề nếp đã tạo điều kiện cho ngành bước đầu tổng kết được đề tài theo dõi diễn biến nước phèn trên hệ thống kênh rạch, nhằm đánh giá hiệu quả của hệ thống kênh trục đã được xây dựng trong tỉnh.

Bài toán dùng biện pháp thủy lợi để cải tạo phèn vùng Đồng Tháp Mười đã được Hội đồng khoa học của ngành chủ động tổng kết, rút ra những kết luận có cơ sở khoa học tiếp tục phục vụ cho việc cải tạo phèn, phát triển nông nghiệp trong thời gian tới.

Ngành tiếp tục khoan điều tra nước ngầm vùng Sa Rài nghiên cứu động thái nước, đồng thời tổ chức làm thí điểm gần 3 ha đậu phộng, sử dụng nước ngầm để tưới. Những vụ rạn nứt, lún sụt ở nhiều nơi trong tỉnh, ngành cũng đã đáp ứng yêu cầu trong việc điều tra, thăm dò, xử lý, đề ra những giải pháp hữu hiệu.

Khai thác tiềm năng Đồng Tháp Mười, không phải chỉ có lúa, Hội đồng khoa học của Sở còn có những cố gắng trong việc điều tra nghiên cứu, lập các dự án bảo vệ môi trường, khôi phục môi sinh nguyên thủy của Đồng Tháp Mười như Hồ rừng Tràm Chim — Tam Nông.

Trong việc ứng dụng các tiến bộ KHKT vào ngành thủy lợi 4 đề tài đã được Hội đồng khoa học của ngành nghiệm thu: Cải tiến thiết kế, thi công cống dúc dài, thay thế cống tròn định hình; Thiết kế trạm bơm điện đặt trên phao di động; Theo dõi diễn biến chua phèn trên kênh rạch; Áp dụng mô hình toán, sử dụng máy tính giải bài toán dòng chảy trên kênh mương mùa kiệt và mùa lũ. Hiện tại còn 5 đề tài Hội đồng đang tiếp tục chỉ đạo thực hiện:

Thay thế cống xi măng cốt thép bằng cống đất nung của tỉnh; Nghiên cứu biện pháp thủy lợi cải tạo phèn tại mặt ruộng; Tính toán hệ số tiêu tự chảy cho các vùng đặc trưng trong tỉnh; Thiết kế cải tiến cống hợp; Cải tiến sáng HB 16 để thi công cấp đất cao hơn tăng năng suất và khoảng cách bờ đất.

Thủy lợi ở Đồng Tháp đã đem lại hiệu quả đáng kể, song chắc chắn vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu đặt ra. Đây là cả một bài toán lớn cần có nhiều nhà khoa học, ở nhiều lĩnh vực quan tâm giải quyết. Đó cũng là bài toán «nước cho đồng bằng sông Cửu Long và cho Đồng Tháp Mười», «bài toán ngọt hóa Đồng Tháp Mười».

Biên tập: Đặng Ngọc Bảo

PHƯƠNG HƯỚNG VÀ NỘI DUNG

(Tiếp theo trang 14)

thập kỷ trước đây: có hay không ngành GDDH - CN?, đã được trả lời một cách khẳng định. Tuy nhiên nhận thức về vị trí, tầm quan trọng và nhu cầu xây dựng ngành khoa học đó trong từng quốc gia cụ thể vẫn là một vấn đề. Câu trả lời của nước ta về vấn đề đó theo chúng tôi phải

được xác định trên cơ sở chiến lược phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa, khoa học và kỹ thuật bằng sức mạnh của nhân tố con người và vì hạnh phúc cũng như sự phát triển toàn diện của mỗi một con người được sống trong xã hội ta.

Biên tập: Kim Oanh